TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2022
V/v Ly hôn giữa chị N, anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cến
Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐ-ST ngày 07/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh ngày 04/10/1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Ong Văn V, sinh ngày 08/4/1991 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Anh V hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh V tại Việt Nam: Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh V được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 27/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y,

tỉnh Bắc Giang nơi anh V đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị về nhà anh V làm dâu ngay. Khoảng đầu năm 2017 anh V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi đi Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 6/2017 đến nay chị và anh V không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Ong Văn V.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ong Văn V là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2022 và 09/5/2022, bà Đàm Thị C là mẹ đẻ anh Ong Văn V cung cấp anh V hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Về hôn nhân của anh V, chị N đăng ký kết hôn ngày 27/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Cảnh T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị N về nhà bà làm dâu ngay. Đầu năm 2017 anh V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi đi Đài Loan một thời gian thì vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Chị N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình có khuyên bảo nhưng anh, chị không về chung sống với nhau được nữa. Anh V, chị N có không có con chung. Về tài sản chung, công nợ của anh, chị bà không biết. Anh V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh V không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh V tại Đài Loan.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ong Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Phạm Thị N; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Ong Văn V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh V không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh V. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh V là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Ong Văn V.

Về tài sản, công nợ: Do chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Ong Văn V. Theo Công văn trả lời số: 8758/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 04/5/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh V xuất cảnh gần đây nhất là ngày 26/6/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh V được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn chị N, bà Đàm Thị C là mẹ đẻ anh V xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh V ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh V có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt các đương sự: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N.

Đối với bị đơn anh Ong Văn V vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh V là bà Đàm Thị C để giao thông báo thụ lý vụ án, đề nghị bà C thông báo cho anh V biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Phạm Thị N và anh Ong Văn V. Bà C cho biết anh V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh V không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh V tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Ong Văn V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Ong Văn V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị N với anh Ong Văn V. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N về nhà anh V làm dâu ngay. Đầu năm 2017 anh V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi đi Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ tháng 06/2017 đến nay do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn. Do đó, xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N và anh V được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Ong Văn V.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án

phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000366 ngày 07/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Ong Văn V hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền